

SỰ TÁC ĐỘNG CỦA LÀN SÓNG NỮ QUYỀN THỨ NHẤT ĐẾN THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ SỰ VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NCS HÀ HUYỀN HOÀI VÂN

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh

1. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ nhất (1784) với đặc trưng là sử dụng động cơ hơi nước và cơ giới hóa. Trong lời tựa cuốn *Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị* C.Mác (1818 - 1883) viết: “Phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung. Không phải ý thức của con người quyết định tồn tại của họ; trái lại, tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ”. Sự phát triển của lực lượng sản xuất và chế độ tư hữu đã thay đổi địa vị của phụ nữ từ người chủ trong gia đình thành người phụ thuộc vào quyền lực của đàn ông. Phụ nữ bị nô dịch và bóc lột trong chế độ tư hữu, trở thành người đầy tớ trong gia đình và không tham gia sản xuất xã hội. “Chế độ mẫu quyền bị lật đổ là sự thất bại lịch sử có tính chất toàn thế giới của nữ giới. Ngay cả ở trong nhà, người đàn ông cũng nắm quyền cai quản, còn người đàn bà thì bị hạ thấp, bị nô dịch, bị biến thành nô lệ cho sự dâm dăng của đàn ông, thành một công cụ sinh đẻ đơn thuần”¹.

Trong bối cảnh xã hội xáo trộn, phụ nữ phải chịu hai tầng áp bức: quan điểm miệt thị “trọng nam khinh nữ” và phân biệt giới tính. Phụ nữ chỉ được xem như “công dân hạng hai” hay “giới tính thứ hai” và phải đối mặt với phân biệt chủng tộc. Điều này thúc đẩy phụ nữ đứng lên đấu tranh đòi quyền bình đẳng trong các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Phong trào nữ quyền thứ nhất tập trung vào quyền chính trị, đặc biệt là quyền bầu cử, quyền

tiếp cận giáo dục và quyền sở hữu tài sản cho phụ nữ. Họ muốn xác nhận lại vị trí và vai trò đã bị đánh mất trong lịch sử. Bài viết này làm rõ sự tác động của làn sóng nữ quyền thứ nhất đến việc thực hiện bình đẳng giới và sự vận dụng, phát triển của Đảng Cộng sản ở Việt Nam hiện nay.

2. Làn sóng nữ quyền thứ nhất - nguồn gốc và nội dung

- *Khái quát một số khái niệm*

Trong nhiều thế kỷ, phụ nữ đã lên tiếng về những bất công mà họ phải đối mặt do giới tính của mình. Năm 1837, thuật ngữ “féminisme” (nữ quyền) lần đầu tiên được sử dụng bởi một người Pháp tên là Charles Fourier. Sau đó, thuật ngữ này được sử dụng phổ biến tại Anh và Mỹ trong những thập kỷ tiếp theo nhằm mô tả phong trào đấu tranh cho bình đẳng về pháp lý, kinh tế và xã hội giữa hai giới, chấm dứt định kiến giới tính và sự áp bức mà phụ nữ phải hứng chịu từ nam giới. Theo *Từ điển Cambiridge*, nữ quyền (feminist) là niềm tin nữ giới được trao cho các quyền, cơ hội giống như nam giới và được đối xử theo cùng một cách. Theo *Từ điển Oxford*, nữ quyền (feminist) là sự ủng hộ quyền của phụ nữ trên cơ sở bình đẳng giới. Theo *Từ điển Tiếng Việt*, nữ quyền là quyền lợi chính trị và xã hội của phụ nữ.

Về phương diện *lý luận*: nữ quyền là một thuật ngữ chỉ học thuyết đấu tranh cho sự bình đẳng của phụ nữ so với nam giới.

Trên phương diện hoạt động *thực tiễn*: phong trào nữ quyền là đấu tranh giành quyền cho phụ nữ trên tất cả các phương diện: kinh tế, chính trị, giáo dục,... bảo vệ các quyền của con người đối với phụ nữ. “Mục đích của cuộc đấu tranh cho bình đẳng giới cũng là cuộc đấu tranh cho quyền của người phụ nữ trên thực tế”².

Khái niệm “nữ quyền” có thể được hiểu theo hai nghĩa: Nghĩa rộng: nữ quyền là quyền lợi của người phụ nữ trong tương quan với nam giới để đạt đến tiêu chí “nam nữ bình quyền”; Nghĩa hẹp: nữ quyền là khái niệm chỉ “giới tính” (nam/nữ). Dẫu vậy, khái niệm “nữ quyền” không chỉ dừng lại ở đó mà mục đích của nó hướng tới là sự bình quyền của nam nữ, đồng thời tạo ra hệ quy chuẩn riêng của nữ giới. Như vậy, nữ quyền là quyền con người của người phụ nữ, là quyền lợi bình đẳng của người phụ nữ so với nam giới trên mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục...

- *Nguồn gốc ra đời của làn sóng nữ quyền thứ nhất: kế thừa kinh nghiệm từ những cuộc đấu tranh của phong trào bãi nô*

Hội nghị Seneca Falls do Lucretia Mott và Elizabeth Cady Stanton tổ chức (vào tháng 07 - 1848 tại New York) là sự kiện khởi đầu cho phong trào nữ quyền ở Mỹ. Hội nghị này được tổ chức xuất phát từ sự phẫn nộ trước thái độ xem thường các đại biểu nữ tại Hội nghị Thế giới chống chế độ nô lệ ở London năm 1840. Lúc bấy giờ, các hoạt động đấu tranh cho quyền phụ nữ gắn liền với phong trào bãi nô. Phong trào nữ quyền, dẫn dắt bởi Stanton và Susan B. Anthony, chủ yếu tập trung vào quyền của phụ nữ da trắng, đặc biệt là những phụ nữ có học thức thuộc tầng lớp trung lưu. Họ đấu tranh đòi quyền bình đẳng như nam giới, tạo ra một chiến dịch rộng khắp trên các lãnh thổ.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Đảng Phụ nữ quốc gia do bà Alice Paul thành lập tiếp tục đấu tranh cải thiện địa vị của phụ nữ. Làn sóng nữ quyền đầu tiên, chiếm ưu thế trong chương trình hành động của các nhà nữ quyền ở Mỹ và châu Âu vào giữa thế kỷ XIX, bắt nguồn từ các nguyên tắc tự do tương tự như cuộc vận động bãi nô. Làn sóng này phát triển và kéo dài đến khoảng thập niên thứ ba của thế kỷ XIX, khi hầu hết các nước phương Tây đã trao cho

phụ nữ quyền bầu cử. Những cuộc đấu tranh giải phóng nô lệ đã đặt nền tảng cho phong trào nữ quyền ban đầu và thể hiện mối liên kết cộng sinh giữa hai phong trào này.

- *Nội dung cơ bản của làn sóng nữ quyền thứ nhất*
Thứ nhất, đấu tranh đòi quyền bình đẳng trong luật pháp

Kế thừa tư tưởng về quyền con người trong *Tuyên ngôn độc lập* của Hoa Kỳ năm 1776, Hội nghị Seneca Falls (tại New York, năm 1848) đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong phong trào đòi quyền phụ nữ. Elizabeth Cady Stanton và các nhà hoạt động nữ quyền khác đã chỉ ra 16 bất công đối với phụ nữ, bao gồm việc thiếu quyền bầu cử, quyền sở hữu, và quyền tiếp cận giáo dục. Elizabeth Cady Stanton cho rằng, nếu phụ nữ được trao các quyền này, họ có thể bảo vệ mình và phát huy tiềm năng lãnh đạo đạo đức và tinh thần.

John Stuart Mill và Harriet Taylor Mill với tác phẩm *The Subjection of Women* đã đóng góp vào việc thành lập Hiệp hội Quốc gia Anh về quyền bầu cử của phụ nữ và ảnh hưởng tới các cuộc tranh luận cải tổ chế độ bầu cử. Năm 1868, Elizabeth Cady Stanton và Susan B. Anthony xuất bản tờ báo *The Revolution* với nội dung: “Đàn ông, quyền của họ và chi thể thối; phụ nữ, quyền của họ và không được kém hơn, đặc quyền của phụ nữ da trắng có học thức lên trên quyền của đàn ông da đen miền Nam thất học”³.

Phong trào nữ quyền đã gạt hái thành công đáng kể với sự phát triển mạnh mẽ của nhiều hiệp hội phụ nữ. Các nhà lý luận nữ giới trong chủ nghĩa xã hội và cộng sản, như Rosa Luxemburg, Clara Zetkin (ở Đức), Alexandra Kollontai (ở Nga) đã bác bỏ ý kiến cho rằng phụ nữ không thể lãnh đạo xã hội chủ nghĩa vì giới tính của mình. Đến cuối thế kỷ XIX, mục tiêu đòi quyền bầu cử cho phụ nữ đã đạt được thành công tại nhiều quốc gia, như New Zealand (1893), Phần Lan (1906), Anh, Canada và Nga (1917) và Mỹ (1919). Ngày 26-8-1920, Tu chính hiến pháp số 19 của Mỹ (Tu chính Susan Anthony) có hiệu lực, trong đó đảm bảo quyền bầu cử cho phụ nữ.

Các phong trào và tư tưởng nữ quyền cũng lan ra toàn cầu. Những cuộc đấu tranh đòi quyền tham gia chính trị, đặc biệt là quyền bầu cử của phụ nữ, đã được nhiều quốc gia thừa nhận. Làn sóng nữ quyền

thứ nhất đã có ảnh hưởng sâu rộng, lan tỏa mạnh mẽ trên khắp châu Âu, châu Mỹ, châu Á và toàn cầu.

Thứ hai, đấu tranh đòi bình đẳng trong giáo dục

Cuộc đấu tranh đòi bình đẳng trong giáo dục ở Anh khởi đầu với sự ra đời của cuốn *Biện minh cho quyền phụ nữ* của Mary Wollstonecraft (1759 - 1797), nhà văn và nhà triết học, được coi là “tổ mẫu của chủ nghĩa nữ quyền”. Wollstonecraft nhấn mạnh sự cần thiết của giáo dục bình đẳng giới và sự tham gia tích cực của phụ nữ vào các ngành nghề nam giới chiếm ưu thế. Những nhà nữ quyền như Harriet Taylor Mill và Elizabeth Blackwell cho rằng, phụ nữ cần được tiếp cận giáo dục đại học, nghề nghiệp và công việc được trả lương tương đương nam giới, đồng thời đấu tranh chống lại các hạn chế xã hội kìm hãm họ trong gia đình.

Lấy cảm hứng từ các công ước về quyền phụ nữ tại Mỹ, Harriet Taylor Mill đã viết bài luận *Giải phóng phụ nữ* năm 1851, kêu gọi bình đẳng giới trong mọi quyền chính trị, dân sự và xã hội. Bà là tiếng nói nổi bật trong làn sóng phản đối tại Mỹ và Anh. Lĩnh vực y khoa, vốn được xem là thế giới của đàn ông, đã cấm phụ nữ trở thành sinh viên y khoa cho đến khi Đạo luật Y khoa năm 1876 cho phép phụ nữ hành nghề y. Elizabeth Blackwell, người phụ nữ đầu tiên có bằng y khoa ở Mỹ (1849), đã mở đường cho phụ nữ tiếp cận nghề y. Hiệp hội Y khoa Vương quốc Anh chấp nhận bác sĩ nữ làm thành viên vào năm 1892.

Hai nhà nữ quyền Bessie Rayner Parkers và Leigh Smith đã thành lập và xuất bản tạp chí *The English Woman's Journal* từ năm 1858 đến năm 1864, ủng hộ cải thiện giáo dục cho phụ nữ để họ có thể trở thành người vợ, người mẹ tốt hơn và làm việc độc lập. Virginia Woolf, trong tác phẩm *A Room of One's Own* (1929), đã đề cập đến sự bất bình đẳng của phụ nữ và nhấn mạnh điều kiện cần thiết để phụ nữ sáng tạo là có một căn phòng riêng và nguồn tài chính độc lập.

Irène Joliot - Curie, con gái của Marie Curie, đoạt giải Nobel Hóa học năm 1935, là một nhà khoa học và nhà nữ quyền. Bà đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, ủng hộ quyền phụ nữ và giải trừ vũ khí, nhấn mạnh rằng, “khoa học không có giới tính” và phụ nữ cần được tham gia đầy đủ vào đời sống chính trị của đất nước. Bà tin rằng kết thúc sự thống

trị giai cấp sẽ giải quyết vấn đề bình đẳng giới. Chính phủ lâm thời Pháp năm 1944 đã thông qua quyền bầu cử và ứng cử của phụ nữ, công nhận vai trò quan trọng của phụ nữ trong chính trị.

Quan điểm của các nhà nữ quyền trên cho thấy giáo dục đóng vai trò quan trọng trong nhận thức và phát triển của phụ nữ, giúp họ thoát khỏi định kiến và áp chế xã hội. Việc tạo điều kiện công bằng để nữ giới tiếp cận giáo dục, chuyên môn và nghề nghiệp như nam giới là nền tảng vững chắc cho phong trào nữ quyền lan tỏa toàn cầu. Nếu phụ nữ được tiếp cận giáo dục như nam giới, họ có thể đóng góp không kém phần quan trọng cho xã hội.

Thứ ba, đấu tranh đòi quyền sở hữu tài sản

Năm 1852, Susan B. Anthony tổ chức hội nghị đầu tiên về quyền phụ nữ ở Syracuse; năm 1853, bà vận động đòi quyền sở hữu cho phụ nữ ở bang New York. Quyền sở hữu tài sản là vấn đề quan trọng đối với nhiều phụ nữ, đặc biệt là tầng lớp lao động, hơn cả quyền bầu cử, vốn chỉ được thảo luận cho phụ nữ da trắng giàu có. Theo luật hôn nhân thời đó, sau khi kết hôn, quyền của phụ nữ, tài sản, tiền bạc và bất kỳ khoản thừa kế nào mà họ được hưởng đều thuộc về chồng. Người chồng có quyền trừng phạt và nhốt vợ để đảm bảo vợ tuân thủ các yêu cầu gia đình và tình dục.

Năm 1854, Elizabeth Cady Stanton gửi đơn thỉnh nguyện đến Cơ quan Lập pháp New York, liệt kê các quyền phụ nữ bị từ chối và yêu cầu được trao quyền. Đơn thỉnh nguyện kèm theo một bản kiến nghị gồm 6.000 chữ ký đòi hỏi mở rộng Đạo luật Tài sản của Phụ nữ đã kết hôn (1848). Mặc dù kiến nghị thất bại vào năm 1854, việc vận động hành lang tiếp tục cho đến khi đạo luật mới được thông qua vào năm 1860. Đạo luật này cho phép phụ nữ giữ thu nhập của mình, trở thành người đồng giám hộ con cái, giao kết hợp đồng độc lập với chồng và có quyền sở hữu tài sản tương tự như nam giới nếu trở thành góa phụ. Theo cuốn sách *Phụ nữ và công việc* (1857) của Leigh Smith: “Phụ nữ đã kết hôn ngày càng ít phụ thuộc về kinh tế vào người chồng, và họ nên được tự do kiếm tiền. Năm 1870, Đạo luật về Tài sản của phụ nữ đã kết hôn, trao cho phụ nữ quyền giữ thu nhập riêng, tài sản cá nhân, thu nhập từ cho thuê, đầu tư và các khoản kế thừa dưới 200

bảng. Dù đạo luật này phần nào đảm bảo cho phụ nữ đã kết hôn, nhưng họ vẫn có ít quyền lợi hơn phụ nữ độc thân. Tình trạng này chỉ thay đổi khi đạo luật được mở rộng 1882”⁴.

Harriet Taylor Mill cho rằng: “Phụ nữ làm nội trợ bị xem như người hầu. Phụ nữ ra ngoài làm việc được nâng lên vị trí bạn đời. Một người phụ nữ có đóng góp vật chất để nuôi sống gia đình không thể bị đối xử một cách độc đoán, khinh miệt như một người phụ thuộc”⁵. Bà chỉ ra rằng, một người vợ có học thức, có đóng góp vào thu nhập gia đình sẽ được chồng tôn trọng hơn và được đối xử như một người bạn đời, điều này có lợi cho toàn xã hội. Bà nhấn mạnh rằng những phụ nữ không tham gia vào hoạt động xã hội có thể cản trở sự phát triển về mặt đạo đức của gia đình. Năm 1870, phụ nữ Anh đã kết hôn giành được quyền giữ mọi khoản tiền mà họ kiếm được, nhưng phải đến một thế kỷ sau, quyền bình đẳng thu nhập mới được đưa vào luật pháp Anh. Frances Power Cobbe, nhà vận động cho nữ quyền, nhấn mạnh rằng sức mạnh của ví tiền có thể đảm bảo quyền lực vĩnh viễn và triệt để cho phụ nữ.

Các phong trào đấu tranh này đã tạo nên những làn sóng nối tiếp nhau, với mỗi làn sóng kế thừa thành tựu của làn sóng trước. Tuy nhiên, dù phong trào nữ quyền giai đoạn này đã giành được quyền bỏ phiếu, bình đẳng trong giáo dục và sở hữu tài sản, nhưng vẫn chưa đủ để dẫn đến những cải cách sâu rộng về địa vị kinh tế và xã hội của phụ nữ. Dù vậy, làn sóng nữ quyền đầu tiên đã đặt nền tảng cho các làn sóng tiếp theo, giúp phong trào ngày càng lan tỏa và đạt được những thành tựu lớn hơn trong việc đấu tranh cho quyền của phụ nữ. Và sự tác động của làn sóng nữ quyền thứ nhất có giá trị lý luận quan trọng và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc đến thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay.

3. Sự vận dụng, phát triển của Đảng trong việc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay

Là người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn quan tâm và đánh giá cao vị trí, vai trò của người phụ nữ trong quá trình phát triển lịch sử dân tộc Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ là một bộ phận trong di sản tư tưởng của Người. Đó là hệ thống các quan điểm về vị trí, vai trò của phụ nữ trong xã hội;

về quyền của phụ nữ; về mục tiêu và nội dung giải phóng phụ nữ; về phương pháp giải phóng phụ nữ; về xây dựng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thực hiện giải phóng phụ nữ; về phát huy tích cực của phụ nữ trong tự giải phóng mình. Theo Hồ Chí Minh, một trong những nội dung quan trọng của công tác phụ nữ trong xây dựng chủ nghĩa xã hội là phải đấu tranh giành quyền bình đẳng cho phụ nữ. Người chỉ rõ: “Đảng và Chính phủ ta luôn luôn chú ý nâng cao địa vị của phụ nữ. Hiến pháp định rõ “nam nữ bình đẳng” và luật lấy vợ lấy chồng... đều nhằm mục đích ấy”⁶. Trong bài *Phải thật sự tôn trọng quyền lợi của người phụ nữ*, Hồ Chí Minh viết: “Phụ nữ chiếm một nửa tổng số Nhân dân. Để xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải thật sự giải phóng phụ nữ và tôn trọng quyền lợi của phụ nữ. Hiến pháp và pháp luật của nước ta đã quy định rõ điều đó”⁷. Người nhắc nhở phải kính trọng phụ nữ. “Chúng ta làm cách mạng là để tranh lấy quyền bình đẳng, trai gái đều ngang quyền như nhau. Lênin dạy chúng ta: phụ nữ là một nửa xã hội. Nếu phụ nữ chưa được giải phóng thì xã hội chưa được giải phóng cả. Phụ nữ thì phải tự mình phấn đấu giữ gìn quyền bình đẳng với đàn ông. Đàn ông phải kính trọng phụ nữ”⁸.

Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi ra đời đã chỉ rõ: “Nam nữ bình quyền”⁹ là một trong những nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng Việt Nam. Điều này được ghi nhận trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* năm 1930. Tháng 10 - 1930, Nghị quyết về *phụ nữ vận động* của Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu rõ: Nếu quảng đại quần chúng phụ nữ không tham gia vào những cuộc tranh đấu cách mạng thì cách mạng không thắng lợi được. Ngày 10-01-1967, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 152-NQ/TW về *một số vấn đề tổ chức lãnh đạo công tác phụ vận*. Nghị quyết số 152-NQ/TW chỉ rõ: “các cấp, các ngành và cơ quan nhà nước phải làm tốt công tác phụ vận: một mặt động viên được hết mọi khả năng của phụ nữ đóng góp cho cách mạng, mặt khác hết sức chú ý săn sóc lợi ích phụ nữ và trẻ em, tạo điều kiện thực hiện giải phóng phụ nữ”¹⁰. Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, nhằm phát huy vị trí, vai trò của các tầng lớp phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng, ngày 07-6-1984

Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 44-CT/TW về *một số vấn đề cấp bách trong công tác cán bộ nữ*. Chỉ thị số 44-CT/TW chỉ rõ: nhiều cấp ủy đảng và lãnh đạo các ngành buông lỏng việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, còn tư tưởng phong kiến, coi thường phụ nữ, đối xử thiếu công bằng với chị em...

Chủ trương của Đảng về công tác phụ nữ và bình đẳng giới tiếp tục được thể hiện xuyên suốt và cụ thể hơn kể từ khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới cho đến nay. Điều này được thể hiện trong nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng, cùng các nghị quyết và chỉ thị của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác quần chúng, công tác vận động phụ nữ, công tác cán bộ nữ, như Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 12-7-1993 của Bộ Chính trị về *đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới*; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 16-5-1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới*; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27-4-2007 của Bộ Chính trị về *công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*; ngày 16-03-2015, Trung ương Đảng ra thông báo Kết luận số 196-TB/TW về Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ trong tình hình mới”; trong đó yêu cầu đẩy mạnh triển khai một số giải pháp bảo đảm thực hiện bình đẳng giới, góp phần nâng cao vị thế của phụ nữ và giảm khoảng cách giới trong một số lĩnh vực, ngành, vùng, địa phương.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh cũng như quan điểm của Đảng về bình đẳng giới đã sớm được cụ thể hóa bằng quy định của pháp luật. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngay sau khi nước nhà giành được độc lập, Việt Nam đã chú trọng mục tiêu bình đẳng giới. Điều này thể hiện ngay trong Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Điều 9 Hiến pháp năm 1946: “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”. Tiếp đó, sau khi thống nhất đất nước (năm 1975), Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992 khẳng định: “Công dân nam và nữ đều có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình”. Kế thừa và phát triển các bản Hiến pháp trước, Hiến pháp năm 2013, đề cập cụ thể hơn, được

quy định ở Điều 26: “Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới”. Việt Nam cũng là một trong những nước đầu tiên đã ký vào Công ước Cedaw, nhằm xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Văn bản của Liên Hợp Quốc đã nói rõ: “Bình đẳng về giới là nam nữ được công nhận có vị thế xã hội ngang nhau, có những điều kiện như nhau để thực hiện đầy đủ các quyền con người, có cơ hội như nhau để đóng góp và hưởng lợi từ sự phát triển chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của đất nước”¹¹.

Ngày 24-12-2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2351/QĐ-TTG về *phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020*, sau 10 năm triển khai thực hiện, nhằm tiếp tục thực hiện sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, góp phần đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03-3-2021 về *Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030*. Nghị quyết đặt ra các mục tiêu: Đảm bảo sự bình đẳng giữa nam và nữ, góp phần nâng cao vị thế của phụ nữ, tiến tới phát triển bền vững và công bằng xã hội. Trong từng lĩnh vực cụ thể, các mục tiêu thể hiện rất đa dạng: (1) Cải thiện môi trường chính sách và pháp lý; (2) Nâng cao năng lực và sự tham gia của phụ nữ; (3) Giảm thiểu bạo lực trên cơ sở giới; (4) Thúc đẩy bình đẳng giới trong gia đình và đời sống cộng đồng; (5) Bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em gái. Bên cạnh đó, Nghị quyết cũng đưa ra các giải pháp và hành động chính: (1) Hoàn thiện chính sách và pháp luật; (2) Truyền thông và giáo dục; (3) Đào tạo và nâng cao năng lực; (4) Hợp tác quốc tế.

4. Kết luận

Làn sóng nữ quyền thứ nhất đã đặt cơ sở quan trọng về thực hiện những quyền tự do cơ bản của các cá nhân trong việc phát triển hoàn thiện con người, phần nào đó giải phóng phụ nữ khỏi cảnh lệ thuộc vào đàn ông, nâng phụ nữ lên ngang hàng với đàn ông và bước đầu giải tỏa những bức xúc của

Xem tiếp trang 36

lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng; làm tốt công tác tư tưởng, phòng chống biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên; thực hiện có hiệu quả công tác cán bộ trong giai đoạn hiện nay là những biện pháp tương hỗ góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

Nêu cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, tiêu cực, Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh, nêu cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu các cơ quan trong hệ thống chính trị và trực thuộc hệ thống chính trị các cấp đồng thời xác định đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội. Từ đó, tuyên truyền, giáo dục nêu cao tinh thần cảnh giác với loại hành vi vi phạm pháp luật này, hướng đến phong trào có tính tự giác “nhà nhà chống tham nhũng, người người chống tham nhũng”, không phân biệt cán bộ, đảng viên hay

các tầng lớp nhân dân; người giữ chức vụ, quyền hạn hay không giữ chức vụ quyền hạn, tất cả một lòng “nói không” với tham nhũng; xây dựng văn hóa “không nhận phong bì, quà biếu” trong cơ quan công quyền, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp... Với quyết tâm chính trị cao của cả hệ thống chính trị và sự đồng lòng ủng hộ, phối hợp của các tầng lớp nhân dân, tôi tin rằng không một thế lực thù địch nào có thể xuyên tạc công cuộc phòng chống tham nhũng, tiêu cực của Đảng ta.

1. thoibao.de ngày 24-1-2023.
2. SET, Thời sự 247 với Đỗ Dzũng, ngày 20-2-2023.
3. <https://noibo.kiengiang.dcs.vn/hoc-tap-va-lam-theo-bac/bac-ho-voi-cong-tac-phong-chong-tham-o-lang-phi-quan-lieu-298.html>.
4. <https://baotintuc.vn/goc-nhin/chong-tham-nhung-khong-bo-do-giua-chung-20220602150240043.htm>.
5. <https://dangcongsan.vn/thoi-su/chong-tham-nhung-tieu-cuc-khong-vi-chong-dich-ma-chung-xuong-khong-xu-ly-602595.html>.

SỰ TÁC ĐỘNG CỦA LÀN SÓNG NỮ QUYỀN THỨ NHẤT...

Tiếp theo trang 54

phụ nữ khi bị đặt ở vị thế “công dân hạng hai” hay “giới tính thứ hai” trong thời gian dài trước đó. Mặc dù bước đầu rất nhiều khó khăn, nhưng nó tạo một bước đệm, một bệ phóng cho sự lan tỏa các làn sóng tiếp theo đấu tranh đòi quyền bình đẳng cho phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực văn hóa - xã hội; kể cả lĩnh vực tình dục, kế hoạch hóa gia đình, bất công trong việc trả lương... Những làn sóng sau sẽ có những biện pháp thiết thực và hiệu quả hơn trong việc giải quyết tình trạng bất bình đẳng của nữ giới.

Đối với Việt Nam, công cuộc thực hiện bình đẳng giới đã, đang và luôn được Đảng và Nhà nước hết sức coi trọng. Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Xây dựng phụ nữ Việt Nam thời đại mới. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tăng cường các chương trình phát triển, hỗ trợ cập nhật tri thức, kỹ năng cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật

pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em, bình đẳng giới. Kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em”¹². Nghị quyết số 28/NQ-CP ban hành *Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030* của Chính phủ là một minh chứng thuyết phục về sự cụ thể hóa quan điểm của Đảng trong việc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay.

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1995, t. 21, tr. 93.
- 2, 3, 4, 5. DK: *Nữ quyền - Khái lược những tư tưởng lớn*, Nxb Dân trí, H, 2022, tr. 14, 61, 75, 75.
- 6, 7, 8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t. 12, tr. 507; t. 12, tr. 705; t. 15, tr. 260.
- 9, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, t. 2. tr. 2; 2003, t. 28, tr. 10.
11. Trích *Báo cáo đánh giá thực trạng bình đẳng giới tại Việt Nam* của Hội Liên hiệp Phụ nữ Trung ương năm 2004.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 169.